

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:140/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 03 tháng 5 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Về việc sáp nhập, đổi tên thôn, buôn, khu phố

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VII, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV;

Xét Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sáp nhập, đổi tên thôn, buôn, khu phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất sáp nhập, đổi tên thôn, buôn, khu phố thuộc các huyện Đông Hòa, Tây Hoà, Phú Hòa, Sơn Hòa, Sông Hinh, Đồng Xuân *(kèm theo bảng tổng hợp chi tiết)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khoá VII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 03 tháng 5 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH
Huỳnh Tấn Việt

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP SÁP NHẬP, ĐỔI TÊN THÔN, BUÔN, KHU PHỐ
(Kèm theo Nghị quyết số 140/NQ-HĐND ngày 03 tháng 5 năm 2019
của HĐND tỉnh)

S T T	Tên thôn, buôn, khu phố	Diện tích (ha)	Dân số (hộ)	Tên thôn, buôn, khu phố mới	Diện tích (ha)	Dâ n số (hộ)	Ghi chú
A.	SÁP NHẬP (34)			(17)			
I	HUYỆN ĐÔNG HÒA (04)			(02)			
1	Thôn Tân Đạo (xã Hòa Tân Đông)	304,00	40	Thôn Đồng Thạnh	654,00	473	
2	Thôn Đồng Thạnh (xã Hòa Tân Đông)	350,00	433				
3	Thôn Đồng Bé (xã Hòa Tâm)	1.497,73	110	Thôn Phước Tân	1.879,73	280	
4	Thôn Phước Tân (xã Hòa Tâm)	382,00	170				
II	HUYỆN TÂY HÒA (02)			(01)			
1	Thôn Phú Thọ (xã Hòa Mỹ Đông)	126,725	78	Thôn Phú Thuận	485,986	957	
2	Thôn Phú Thuận (xã Hòa Mỹ Đông)	359,261	879				
III	HUYỆN PHÚ HÒA (04)			(02)			
1	Thôn Ngọc Sơn Đông (xã Hòa Quang Bắc)	245,73	387	Thôn Ngọc Sơn	1.023,79	770	
2	Thôn Ngọc Sơn Tây (xã Hòa Quang Bắc)	778,06	383				
3	Thôn Đồng Lãnh (xã Hòa Quang Bắc)	1.058,97	326	Thôn Đồng Lãnh	2.091,42	765	
4	Thôn Đồng Mỹ (xã Hòa Quang Bắc)	1.032,45	439				
IV	HUYỆN SƠN HÒA (06)			(03)			
1	Thôn Đoàn Kết (xã Suối Trai)	1.107,12	47	Thôn Hoàn	2.161,95	115	

2	Thôn Hoàn Thành (xã Suối Trai)	1.054,83	68	Thành			
3	Thôn Hòa Trinh (xã Sơn Định)	487,04	34	Thôn Hòa Thuận	1.978,19	147	
4	Thôn Hòa Thuận (xã Sơn Định)	1.491,15	113				
5	Thôn Tân Hòa (xã Sơn Hội)	3.102,00	66	Thôn Tổng Bình	4.312,00	111	
6	Thôn Tân Tiến (xã Sơn Hội)	1.210,00	45				
V	HUYỆN SÔNG HÌNH (16)			(08)			
1	Buôn Suối Mây (thị trấn Hai Riêng)	120,00	35	Khu phố 9	370,00	202	
2	Khu phố 9 (thị trấn Hai Riêng)	250,00	167				
3	Buôn Đức (xã Ea Trol)	758,02	115	Buôn Đức Mùi	1.714,19	221	
4	Buôn Mùi (xã Ea Trol)	956,17	106				
5	Buôn Dành A (xã Ea Bia)	237,40	56	Buôn Dành	761,63	314	
6	Buôn Dành B (xã Ea Bia)	524,23	258				
7	Thôn Đức Hòa (xã Đức Bình Đông)	965,00	72	Thôn Hiệp Hòa	1.977,00	201	
8	Thôn Đức Hiệp (xã Đức Bình Đông)	1.012,00	129				
9	Thôn Phước Giang (xã Sơn Giang)	275,08	70	Thôn Phước Lộc	557,17	143	
10	Thôn Lộc Giang (xã Sơn Giang)	282,09	73				
11	Thôn 2A (xã Sông Hinh)	2.144,33	66	Thôn Hà Roi	4.476,07	149	
12	Thôn 2B (xã Sông Hinh)	2.331,74	83				
13	Thôn 3 (xã Sông Hinh)	2.218,92	70	Thôn Ea Ngao	4.623,08	174	
14	Thôn Suối Dứa (xã Sông Hinh)	2.404,16	104				
15	Thôn Yên Sơn (xã Sông Hinh)	5.400,71	65	Thôn Bình Yên	8.864,29	153	
16	Thôn Bình Sơn (xã Sông Hinh)	3.463,58	88				
VI	HUYỆN ĐÔNG XUÂN (02)			(01)			
1	Thôn 4 (xã Đa Lộc)	328,00	91	Thôn 4	744,00	196	
2	Thôn 5 (xã Đa Lộc)	416,00	105				